

Nội dung bài viết

1. [Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 3: A Party](#)
  1. [A. Reading \(trang 23-24-25 SBT Tiếng Anh 11\)](#)
  2. [B. Language Focus \(trang 25-26-27-28 SBT Tiếng Anh 11\)](#)
  3. [C. Speaking \(trang 28 SBT Tiếng Anh 11\)](#)
  4. [D. Writing \(trang 29 SBT Tiếng Anh 11\)](#)

### Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 3: A Party

A. Reading (trang 23-24-25 SBT Tiếng Anh 11)

**Part 1.** Read the passage and choose the best option A, B, C or D to answer or complete each of the following questions. (Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời hoặc hoàn thành các câu hỏi **sau** đây.)

#### Hướng dẫn dịch:

Đó là ngày sinh nhật của Jimmy, và cậu mới 5 tuổi. Cậu ấy đã nhận được khá nhiều món quà sinh nhật tuyệt vời từ gia đình mình, và một trong số đó là một cái trống tuyệt đẹp,

"Ai đã tặng Jimmy cái đó?" - Cha của Jimmy nói khi nhìn thấy nó.

"Ông nội đó," mẹ của Jimmy trả lời.

"Ôi." cha cậu nói.

Tất nhiên, Jimmy rất thích chiếc trống. Cậu gây ồn kinh khủng, nhưng mẹ cậu không quan tâm. Bố cậu làm việc cả ngày, và Jimmy đã lên giường khi ông về nhà vào buổi tối, vì vậy bố cậu không nghe thấy tiếng ồn.

Nhưng một trong những người hàng xóm không hề thích tiếng trống, vì vậy một buổi sáng vài ngày **sau đó**, **cô** lấy một con dao sắc bén và đi đến nhà của Jimmy trong khi cậu đang đánh trống của mình. **Cô** ấy nói với anh ta, "Chào cháu Jimmy. Cháu có biết, có một thứ rất đẹp bên trong trống của cháu không? Đây là một con dao. Mở cái trống và tìm **chúng** đi nào."

#### Đáp án:

1. B 2. A 3. C 4. B 5. D

**Part 2.** Read the passage and choose the best option A, B, C or D to answer or complete each of the following questions. (Đọc đoạn văn và chọn đáp án phù hợp nhất A, B, C hoặc D để trả lời hoặc hoàn thành các câu hỏi **sau** đây.)

**Hướng dẫn dịch:**

Cuộc trò chuyện thân thiết đóng một phần quan trọng của bất kỳ mối quan hệ kinh doanh nào. Tuy nhiên, **trước** khi bắt đầu cuộc thảo luận, hãy **chắc chắn** bạn hiểu những chủ đề nào phù hợp và được xem là điều cấm kỵ trong một nền văn hoá cụ thể. Người **Mỹ** Latinh thích chia sẻ thông tin về lịch sử, nghệ thuật và phong tục địa phương. Hãy chờ những câu hỏi về gia đình của bạn, và **chắc chắn** để cho thấy hình ảnh của con bạn. Bạn có thể cảm thấy thoải mái để đặt những câu hỏi tương tự về bạn bè ở **Mỹ** Latinh. Người **Pháp** coi cuộc trò chuyện như một hình thức nghệ thuật, và họ tận hưởng giá trị của các cuộc thảo luận sôi nổi cũng như những bất đồng. Đối với họ, các lập luận có thể rất thú vị - và **chúng** có thể bao gồm rất nhiều về bất kỳ chủ đề nào - miễn là **chúng** diễn ra một cách tôn trọng và thông minh.

Tại **Hoa Kỳ**, các doanh nhân muốn thảo luận nhiều chủ đề, bao gồm ý kiến về **công** việc, gia đình, sở thích và chính trị. Tuy nhiên, ở Nhật Bản, Trung Quốc và Triều Tiên, người dân được riêng tư hơn nhiều. Họ không chia sẻ nhiều về những suy nghĩ, cảm xúc hay cảm xúc của họ bởi vì họ cảm thấy rằng làm như vậy có thể lấy đi mối quan hệ kinh doanh hài hòa mà họ đang cố gắng xây dựng. Người Trung Đông có thiên hướng khá bí mật chuyện cuộc sống cá nhân và các vấn đề gia đình của họ. Ví dụ, sẽ bị coi là không thân thiện nếu yêu cầu một doanh nhân từ Ả-rập Xê-út nói về vợ hoặc con của anh ta.

Theo nguyên tắc chung, tốt nhất là đừng nói về chính trị hay tôn giáo với đối tác kinh doanh của bạn. Điều này có thể khiến bạn gặp rắc rối, ngay cả ở **Hoa Kỳ**, nơi mọi người có quan điểm khác nhau. Ngoài ra, thảo luận về mức lương của một người cũng thường được cho là không phù hợp. Thể thao thường là một chủ đề thân thiện ở hầu hết các nơi trên thế giới, mặc dù cần thận đừng chỉ trích một môn thể thao quốc gia. Thay vào đó, hãy thân thiện và dành lời khen cho đội chủ nhà.

**Đáp án:**

- 1. B 2. A 3. B 4. D

B. Language Focus (trang 25-26-27-28 SBT Tiếng Anh 11)

**Exercise 1.**

**A.** Below are the transcriptions of some words. Write the orthographic forms of the words. (Dưới đây là cách đọc của 1 số từ. Hãy viết dạng nguyên gốc của các từ.)

**Đáp án:**

1. original
2. operate
3. activity
4. hostess
5. appreciate
6. horrible
7. rescue
8. difficulty

**B. Practise reading the following sentences. (Thực hành đọc các câu sau.)**

My parents are going to spend a really lovely holiday in Europe.

Her husband looked tired after getting out of the LEMON Restaurant.

That pretty lady has just ordered salad and a glass of lemonade.

He rushed to the library after a quick lunch at home.

**Hướng dẫn dịch:**

Cha mẹ tôi sẽ dành một kỳ nghỉ thực sự đáng yêu ở châu Âu.

Chồng cô ấy trông mệt mỏi sau khi ra khỏi nhà hàng LEMON.

Người phụ nữ xinh đẹp đó vừa mới gọi món salad và một ly nước chanh.

Anh ấy đã vội vã đến thư viện sau bữa ăn trưa nhanh ở nhà.

**Exercise 2.** Choose the best option A or B to complete each of the sentences. (Chọn đáp án đúng nhất A hoặc B để hoàn thành các câu sau.)

**Đáp án:**

1. B
2. B
3. A
4. A
5. B
6. B
7. A
8. B
9. B
10. A

**Hướng dẫn dịch:**

1. Bất cứ khi nào chúng tôi gặp nhau, Jack đã tránh nhìn tôi.

2. Hầu hết mọi người thích đi du lịch đến các khu vực khác nhau của thế giới.

3. Maria cần tìm một công việc khác. Công ty hiện tại của cô ấy sắp ngừng hoạt động.

4. Tôi có thể đổi kênh không hay bạn muốn xem thêm chương trình này?

- Joan đang cân nhắc việc thay đổi chuyên ngành của mình từ **Mỹ** học sang tâm lý học.
- Mặc dù Joe đóng sầm phanh, anh ấy vẫn không thể tránh va vào con chó nhỏ đột nhiên lao ra **trước** xe.
- Tôi hy vọng có thể viết cuốn tự truyện của mình **trước** khi tôi chết. Bạn có nghĩ rằng sẽ có ai đó sẽ đọc nó?
- Joyce đã cảm ơn **chúng** tôi đã mời họ ăn tối và nói rằng họ muốn mời **chúng** tôi ăn tối vào tuần tới.
- Nếu bạn trì hoãn thanh toán hóa đơn của mình, bạn sẽ phải trả lãi nhiều phí hơn thôi.
- Luật sư của tôi khuyên tôi không nên nói gì thêm về tai nạn.

**Exercise 3.** Complete the sentences using the infinitive or gerund of the verbs in brackets. (Hoàn thành các câu sử dụng dạng nguyên thể hoặc dạng "V-ing" với các động từ trong ngoặc.)

**Đáp án:**

- to refund
- to be
- to buy
- throwing
- to get
- to wear
- to visit
- to be
- thinking
- to attend

**Hướng dẫn dịch:**

- Cửa hàng đã yêu cầu hoàn trả số tiền tôi đã trả cho cuốn sách mà tôi đã trả lại.
- Đừng giả vờ những gì không phải là bạn.
- Tôi đã thuyết phục anh họ tôi không mua chiếc xe cũ đó.
- Annie đã từ chối ném viên gạch qua cửa sổ.
- Bố tôi mong tôi được điểm cao ở trường.
- Theo các dấu hiệu trên cửa nhà hàng, tất cả các thực khách được yêu cầu phải mặc áo sơ mi và đi giày.
- Chúng** tôi đang có kế hoạch đến thăm một số di tích lịch sử ở Moscow.
- Có vẻ như không có cách nào để thay đổi việc đặt chỗ của **chúng** ta cho vở kịch vào cuối ngày này.

9. Vì với một số lý do bất thường, tôi cứ nghĩ hôm nay là thứ Bảy.

10. Tất cả các thành viên đã đồng ý tham dự cuộc họp khẩn cấp.

**Exercise 4.** Choose the best option A, B, C or D to complete each of the sentences.  
(Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu **sau**.)

**Đáp án:**

1. B 2. D 3. A 4. A 5. B 6. B 7. D

C. Speaking (trang 28 SBT Tiếng Anh 11)

**Complete the following dialogue.** (Hoàn thành đoạn hội thoại **sau**.)

**Hướng dẫn dịch:**

A: Sinh nhật của cậu là khi nào?

B: Sinh nhật của mình là ngày 16 tháng 5.

A: Cậu thường tổ chức tiệc sinh nhật ở đâu?

B: Mình thường tổ chức ở 1 nhà hàng nhỏ.

A: Bạn thường làm gì trong tiệc sinh nhật?

B: Mình có khá nhiều hoạt động, cậu biết đấy như là ăn uống này, nhảy nhót hay chơi trò chơi nữa...

A: Bữa tiệc thường kéo dài bao lâu vậy?

B: Mình nghĩ chắc là khoảng 3 tiếng.

A: Sao cậu lại thích tổ chức ở nhà hàng hơn ở nhà?

B: Ô, mình thích tổ chức ở nhà hàng hơn vì thực sự ở đó dịch vụ tốt và không phải lo lắng về việc dọn dẹp và rửa bát đĩa **sau** tiệc.

**Đáp án:**

1. When is your birthday?

(Khi nào thì đến sinh nhật bạn?)

2. Where do you often have your birthday party?

(Bạn thường tổ chức tiệc sinh nhật ở đâu?)

3. Who do you invite to your birthday party?

(Bạn mời những ai tham dự bữa tiệc sinh nhật của mình?)

4. What activities do you often have at the party?

(Bạn thường có những hoạt động gì trong bữa tiệc?)

5. How long does the party last?

(Bữa tiệc diễn ra bao lâu?)

6. Why do you prefer parties at the restaurant to parties at home?

(Tại sao bạn lại thích các bữa tiệc ở nhà hàng hơn so với những bữa tiệc ở nhà?)

D. Writing (trang 29 SBT Tiếng Anh 11)

**Rearrange the clues and write them in the blank to make a letter of invitation.** (Sắp xếp các gợi ý và viết **chúng** vào chỗ trống để tạo thành 1 bức thư mời.)

**Bài mẫu:**

17 Fountain Road, Canterbury 25th April, 2004

Dear Jessy,

How are things getting on with you? I am fine here.

Since your family moved to Ipoh, things have been not the same here. I really enjoyed the things we did together.

Anyhow, the holidays are about to begin. Would you like to come over to my house for a short stay? We could spend some time on the beach again, swimming, catching crabs, etc. My parents say that they will be glad to see you.

Do let me know whether you can make it or not.

I look forward to your reply.

Your friend,

Jack

**Hướng dẫn dịch:**

17 Đường Fountain, Canterbury 25 tháng 4 năm 2004

Gửi Jessy,

Cậu thế nào rồi? Mình ở đây rất ổn.

Kể từ khi gia đình ậu chuyển đến Ipoh, mọi thứ đều không như xưa nữa. Mình thực sự rất thích những điều **chúng** tôi đã làm với nhau.

Dù sao, những ngày lễ sắp bắt đầu. Cậu có muốn đến nhà mình một thời gian không? **Chúng** ta có thể dành thời gian trên bãi biển một lần nữa, bơi lội, bắt cua ... Bố mẹ mình nói rằng họ sẽ vui vẻ gặp lại cậu.

Nói cho mình biết cậu có thể tới được không nhé.

Mong nhận được thư của cậu.

Bạn của cậu,

Jack.